

Bản án số **11/2019/HS-ST**
Ngày 11- 01 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Thẩm phán: Ông Trần Nam Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quốc Hùng

Ông Đỗ Đức Dục

Ông Lê Gia Anh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy – Thư ký Tòa án
nhân dân thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Trần Thị Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử khai vụ án hình sự thụ lý số 560/HSST/2018 ngày 10 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 721/2018/HSST-QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Xuân T, sinh năm 1982; giới tính Nam; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú Tổ 87, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở Số 524 toà nhà VP3 bán đảo Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam từ tháng 03/2013, ngày 21/9/2018, Đảng uỷ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; con ông Mai Thanh Ch và bà Vũ Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Y và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội; có mặt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang Tiến – Văn phòng luật sư Đặng Sơn và cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

Bị hại: Công ty B tại Đài Loan; địa chỉ trụ sở công ty Tầng 11, số 367, ngõ 4, đường Hankou, khu Bắc, thành phố Taichung 40449 Đài Loan; do ông Ho Chau Fun – Phó tổng giám đốc Công ty đại diện theo ủy quyền – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Y, sinh 1978; địa chỉ P524, VP3, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận H, thành phố Hà Nội – có mặt.

Người phiên dịch: Lương Thị Hoài Thu, 1986; địa chỉ số nhà 2, ngách 27/8, ngõ 218, đường Lạc Long Quân, thành phố Hà Nội – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/8/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác ông Ho Chau Fun (sinh năm 1957, quốc tịch Đài Loan, phó tổng giám đốc Công ty B - công ty kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng, có trụ sở tại Đài Loan) tố giác Mai Xuân T có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt số tiền 600.000 USD của Công ty B thông qua việc Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên hợp tác với Công ty B mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng.

Quá trình điều tra xác định:

Trong quá trình làm việc tại Công ty CP xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyển giao công nghệ Vinagimex, Mai Xuân T quen biết một số lãnh đạo và nhân viên Công ty B. Năm 2016, thông qua T giới thiệu nên Công ty B đã ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên về việc lắp đặt và kinh doanh 01(một) máy trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Nha Trang – tỉnh Khánh Hoà. Khoảng tháng 8 năm 2017, với mong muốn tiếp tục hợp tác mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại hệ thống khách sạn Mường Thanh, Công ty B cử chị WEI TUNG YU (tên thường gọi là Una, sinh năm 1984), là nhân viên của Công ty B, sang Việt Nam liên hệ

với T để trao đổi việc hợp tác. Do T quen biết với anh Nguyễn Thanh T (sinh năm 1981, HKTT: số 1/695 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội) - là giám đốc khách sạn Mường Thanh Hà Nội, nên T dẫn Una đến gặp anh Tuấn. Trong buổi gặp trao đổi, anh Tuấn giới thiệu Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên có chủ trương hợp tác với các đơn vị để mở câu lạc bộ kinh doanh trò chơi có thưởng tại hệ thống khách sạn Mường Thanh, nếu Công ty B muốn hợp tác thì tiến hành khảo sát tại một số khách sạn Mường Thanh trên cả nước, sau đó sẽ trực tiếp trao đổi, bàn bạc cụ thể. T dẫn Una đi thăm, khảo sát tại một số khách sạn Mường Thanh, trong đó có Khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng. Đến tháng 11/2017, do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên T nói dối Una rằng Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên đồng ý hợp tác với Công ty B mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng. T yêu cầu Công ty B phải chuyển 700.000 USD cho T, trong đó 250.000 USD là tiền làm giấy phép, số tiền còn lại là tiền đặt cọc. Una báo cáo lại nội dung T trao đổi với lãnh đạo Công ty Bigotimes. Công ty Bigotimes tin tưởng lời T nói nên đã chuyển tiền theo sự hướng dẫn của T. Cụ thể: ngày 16/11/2017, Công ty B chuyển 220.000 USD (hai trăm hai mươi nghìn đô la Mỹ) vào tài khoản của Nguyễn Thị Y là vợ của T tại ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MB Bank, đồng thời chuyển 30.000 USD (ba mươi nghìn đô la Mỹ) cho một người phụ nữ tên Phương (không xác định được) tại Đài Loan. Để ngân hàng tại Đài Loan thực hiện việc chuyển tiền từ Công ty B cho T, T làm 01 (một) hợp đồng trừ bị xác nhận Công ty B hợp tác mở câu lạc bộ kinh doanh có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng có đóng dấu đỏ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyển giao công nghệ Vinagimex tại Hải Dương. Sau đó, T dùng điện thoại chụp lại ảnh giấy xác nhận gửi cho vợ T là Nguyễn Thị Y để Yên gửi cho Una qua tin nhắn line trên điện thoại.

Sau khi nhận số tiền 250.000 USD của Công ty B, T làm 01 (một) giấy biên nhận tiền với nội dung đã nhận số tiền 250.000 USD của Công ty B có đóng dấu đỏ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyển giao

công nghệ Vinagimex tại Hải Dương gửi cho Una. Do Công ty B yêu cầu T gửi giấy biên nhận tiền có đóng dấu của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 Điện Biên, nên T tìm trên mạng internet dấu của Doanh nghiệp Điện Biên và làm 01 (một) giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 với nội dung đã nhận 250.000 USD của công ty Bigotimes có chữ ký tên Lê Kim Giang - Phó Giám đốc trên hình dấu tròn màu đen Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên. Sau đó, T chụp lại ảnh giấy tạm nhận tiền hợp tác gửi cho Yên để Yên gửi qua tin nhắn line cho Una. Đồng thời, thông qua tìm kiếm trên mạng internet, T thuê một đối tượng (không xác định được) làm giả Hợp đồng trừ bị và Giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 có chữ ký tên Quách Văn Thanh trên hình dấu đỏ tên Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên với giá 8.000.000đ (tám triệu đồng). T chụp ảnh bản Hợp đồng trừ bị gửi cho Una qua tin nhắn line trên điện thoại, còn bản Giấy tạm nhận tiền hợp tác T đưa trực tiếp đưa cho Una khi Una sang Việt Nam.

Ngày 07/01/2018, đại diện lãnh đạo Công ty B sang Việt Nam để bàn bạc hợp tác kinh doanh. T dẫn lãnh đạo Công ty B đến gặp ông Nguyễn Thanh T và ông Lê Thanh Thản - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên, đồng thời là chủ sở hữu của chuỗi khách sạn Mường Thanh. Tại buổi gặp, ông Thản trả lời với Công ty B rằng khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng đã ký hợp đồng với đơn vị khác để lắp đặt máy trò chơi điện tử có thưởng nên không đàm phán với Công ty B nhưng T đã phiên dịch lại cho phía Công ty B là ông Thản đồng ý để Công ty B hợp tác kinh doanh máy trò chơi điện tử tại Khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng để Công ty B tin tưởng tiếp tục chuyển tiền cho T. Mặt khác, T không cho ông Thản và ông Tuấn biết việc T hứa hẹn và đã thu 250.000 USD của Công ty B từ ngày 16/11/2017. Tin tưởng Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên đồng ý hợp tác với Công ty B về việc lắp đặt máy trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng nên từ ngày 08/01/2018 đến ngày 01/02/2018, theo yêu cầu của T Công ty B tiếp tục chuyển 350.000 USD. Cụ thể:

- Ngày 08/01/2018, T cung cấp cho Una tên, số chứng minh thư nhân dân của T, Nguyễn Quang Huy (SN: 1979; HKTT: xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội), Nguyễn Xuân Đoàn (SN: 1977; HKTT: Số 21, ngách 2/6 Hoàng Liệt, phường Hoàng Liệt, quận H, TP Hà Nội) để Una chuyển 42.000 USD cho T qua dịch vụ chuyển tiền quốc tế Western Union vào tài khoản của T, Huy, Đoàn. Đồng thời, Una chuyển cho một người phụ nữ tên Phương tại Đài Loan số tiền 28.000 USD.

- Ngày 09/01/2018, T tiếp tục cung cấp cho Una tên, số chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị Mai Hương (SN: 1971; HKTT: 18/260 ngõ Chợ Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội), Bùi Thị Hương (SN: 1991; HKTT: xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam), Nguyễn Thị Ngạn (SN: 1987; HKTT: xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) để Una chuyển số tiền 100.000 USD vào tài khoản của Hương, Yên, Huy, Hương, Ngạn, Đoàn và T. Sau khi nhận số tiền 170.000 USD ngày 08/01/2018 và ngày 09/01/2018, T làm 01 (một) giấy nhận tiền với nội dung đã nhận 170.000 USD của Công ty B, đóng dấu của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyển giao công nghệ Vinagimex. T chụp lại ảnh giấy biên nhận tiền gửi cho Yên để Yên gửi cho Una qua tin nhắn line.

- Ngày 17/01/2018, Công ty B chuyển cho T 100.000 USD, trong đó 10.000 USD vào tài khoản Mai Xuân T qua dịch vụ chuyển tiền quốc tế Western Union và 80.000 USD vào tài khoản số 0610105186005 tại NH MB Bank của Nguyễn Thị Y (vợ T).

- Ngày 01/02/2018, Công ty B chuyển cho một người phụ nữ ở Đài Loan số tiền 80.000 USD, sau đó người này chuyển tiền về Việt Nam cho T. Sau khi T nhận được tiền, T chụp ảnh giấy nộp tiền của một người tên Võ Thị Kiều Trinh nộp vào tài khoản số 1482205362405 NH Agribank, mang tên Mai Xuân T số tiền 80.000 USD gửi cho Una.

Sau khi nhận đủ 600.000 USD, T tiếp tục yêu cầu Công ty B chuyển tiếp 100.000 USD như thỏa thuận ban đầu. Do Công ty B chưa kịp chuyển tiền theo yêu cầu của T nên ngày 13/02/2018, T soạn bản thông báo với nội dung

Công ty xây dựng số 1 Điện Biên dùng hợp tác với tập đoàn Bingotimes về việc mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng (không có người ký và đóng dấu). Sau đó, T dùng điện thoại chụp lại thông báo dùng hợp tác gửi cho Yên đến Yên gửi cho Una qua tin nhắn line trên điện thoại. Sau khi nhận được thông báo, Công ty B liên hệ với ông Nguyễn Thanh T để hỏi về việc dùng hợp tác thì biết Doanh nghiệp tư nhân số 01 Điện Biên không hợp tác với Công ty B, ông Tuấn không biết việc Mai Xuân T đã nhận số tiền 600.000 USD của Công ty B. Công ty B nhiều lần yêu cầu T trả lại tiền cho Công ty B nhưng T không trả, vì vậy ngày 08/8/2018, Công ty B gửi đơn đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội. Đến ngày 13/8/2018, Mai Xuân T đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội.

Cơ quan điều tra thu giữ của Mai Xuân T:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8 vỏ màu vàng, đã qua sử dụng.

Thu giữ của Nguyễn Thị Y:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone vỏ màu đỏ, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động Samsung vỏ màu vàng, đã qua sử dụng.

Thu giữ của WEI TUNG YU (hay gọi là Una): 01 (một) Giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 có chữ ký tên Quách Văn Thanh trên hình dấu đỏ tên Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên.

Thu giữ của anh Nguyễn Thanh T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 6970/KLGD-PC09(Đ4) ngày 06/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hà Nội kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên” tại Giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 với hình dấu tròn màu có nội dung “Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên” do Doanh nghiệp Điện Biên cung cấp không phải do cùng một con dấu in ra.

Tại cơ quan điều tra, Mai Xuân T khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên, T khai: dấu tròn ghi Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp và

chuyển giao công nghệ Vinagimex được đóng trên các giấy nhận tiền do T lấy của vợ T để đóng lên. Do trước đây vợ T là Nguyễn Thị Y làm Giám đốc chi nhánh của Công ty CP xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyển giao công nghệ Vinagimex tại Hải Dương nên Yên có con dấu này, sau đó Yên nghỉ việc nhưng không bàn giao, trả lại dấu này cho Công ty. Tất cả các giấy giấy biên nhận tiền, hợp đồng trừ bị do T làm để gửi cho Una T đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, T thực hiện một mình, số tiền 600.000 USD chiếm đoạt được, T chi tiêu cá nhân hết. Lời khai của T phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng, người liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ thu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 8 vỏ màu vàng mà Cơ quan điều tra thu giữ của T, T khai sử dụng để thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty B. Đối với giấy biên nhận tiền T thuê người làm giả có đóng dấu của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên, quá trình điều tra xác định là thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty B nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý T về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ vào tỉ giá đồng đô la Mỹ với đồng Việt Nam đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) xác định số tiền 600.000 USD mà Mai Xuân T đã chiếm đoạt của Công ty B tương đương 13.879.400.000 VNĐ (mười ba tỷ tám trăm bảy chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Công ty B yêu cầu Mai Xuân T phải bồi thường số tiền 600.000 USD, tương đương 13.879.400.000đ (mười ba tỷ tám trăm bảy chín triệu bốn trăm nghìn đồng) cho Công ty.

Với hành vi trên, tại Bản cáo trạng số 471/CT - VKS – P3 ngày 22/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Mai Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện bị hại trình bày: Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty số tiền 600.000 USD mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Chị Nguyễn Thị Y trình bày chiếc điện thoại cơ quan thu giữ của chị thuộc sở hữu của chị, đề nghị trả lại cho chị. Việc bị cáo làm chị không biết; do chị biết tiếng Trung Quốc, nên bị cáo có nhờ chuyển một số thông tin cho chị Una người Đài Loan thì chị chuyển.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mai Xuân T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố là đúng.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mai Xuân T từ 18 đến 20 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày bản luận cứ: Về tội danh và điều luật áp dụng của cáo trạng luật sư không có ý kiến gì, chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo một số tình tiết sau đây để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị tại phiên tòa: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có bố tham gia kháng chiến chống Mỹ bị nhiễm chất độc hóa học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 16/11/2017 đến ngày 01/02/2018, Mai Xuân T đưa ra thông tin gian dối để Công ty B tin tưởng Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên đồng ý hợp tác với Công ty B về việc mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng, chiếm đoạt số tiền 600.000 USD của Công ty B, tương đương với 13.879.400.000đ (mười ba tỷ tám trăm bảy chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Mai Xuân T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng.

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp nước ngoài muốn hợp tác đầu tư vào Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến chính sách thu hút đầu tư của Nhà nước và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là những người

có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Lợi dụng việc Công ty B muốn hợp tác đầu tư với Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên về việc mở câu lạc bộ trò chơi có thưởng tại khách sạn Mường Thanh Đà Nẵng, bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối để Công ty B tin tưởng rằng Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên đã đồng ý hợp tác kinh doanh nên Công ty B đã nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của Mai Xuân T. Sau khi nhận tiền bị cáo đã chiếm đoạt toàn bộ tổng số tiền 13.879.400.000đ, đến nay bị cáo chưa khắc phục thiệt hại cho Công ty B. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm trừng phạt, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng nhận thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, thái độ khai báo thành khẩn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, giúp bị cáo yên T cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo không có khả năng thực hiện nên có thể xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Mai Thanh T còn có hành vi: Sau khi nhận số tiền 250.000 USD của Công ty B, T làm 01 giấy biên nhận tiền với nội dung đã nhận số tiền 250.000 USD của Công ty B có đóng dấu đỏ của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp và chuyên giao công nghệ Vinagimex tại Hải Dương gửi cho Una. Do Công ty B yêu cầu T gửi giấy biên nhận tiền có đóng dấu của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 Điện Biên, nên T tìm trên mạng internet dấu của Doanh nghiệp Điện Biên và làm 01 giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 với nội dung đã nhận 250.000 USD của công ty Bigotimes có chữ ký tên Lê Kim Giang - Phó Giám đốc trên hình dấu tròn màu đen Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên. Sau đó, T chụp lại ảnh giấy tạm nhận tiền hợp tác gửi cho

Yên để Yên gửi qua tin nhắn line cho Una. Đồng thời, thông qua tìm kiếm trên mạng internet, T thuê một đối tượng (không xác định được) làm giả Hợp đồng trừ bị và Giấy tạm nhận tiền hợp tác đề ngày 17/11/2017 có chữ ký tên Quách Văn Thanh trên hình dấu đỏ tên Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên với giá 8.000.000đ (tám triệu đồng). T chụp ảnh bản Hợp đồng trừ bị gửi cho Una qua tin nhắn line trên điện thoại, còn bản Giấy tạm nhận tiền hợp tác T đưa trực tiếp đưa cho Una khi Una sang Việt Nam. Hành vi nêu trên của bị cáo có dấu hiệu phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, xét hành vi làm giả các tài liệu trên của bị cáo là thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 600.000 USD của Công ty B nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý T về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là hợp lý.

Liên quan đến vụ án, còn có các đối tượng:

Đối với đối tượng Nguyễn Thị Y (vợ T), Yên khai: Do T chỉ biết nói tiếng Trung mà không biết viết, dịch nên trong quá trình trao đổi với Una, T nhờ Nguyễn Thị Y dịch các nội dung từ Tiếng Việt sang tiếng Trung (hoặc ngược lại), đồng thời chuyển các giấy xác nhận sang cho Una qua tin nhắn line. Ngoài ra, T mượn tài khoản ngân hàng, chứng minh thư của Yên để nhận tiền qua tài khoản và dịch vụ chuyển tiền Western Union. Yên không biết T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của Công ty B và không được hưởng lợi gì, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Yên là đúng.

Đối với các đối tượng Nguyễn Quang Huy, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Mai Hương, Bùi Thị Hương, Nguyễn Thị Ngạn đều khai T mượn tài khoản ngân hàng, chứng minh thư để nhận tiền qua tài khoản và dịch vụ chuyển tiền Western Union. Các đối tượng không biết và không được hưởng lợi gì từ việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty B, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng.

Đối với việc chuyển tiền thông qua người phụ nữ tên Phương tại Đài Loan, do T không biết tên, địa chỉ cụ thể của Phương, nên Cơ quan điều tra

không xác định được. Đối với đối tượng tên Võ Kiều Trinh, sinh năm 1989, HKTT: khu vực Qui Thạnh 1 phường Trung Kiên, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ, nộp số tiền 1.818.400.000 đồng (tương đương 80.000 USD) vào tài khoản số 1482205362405 mang tên Mai Xuân T tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hùng Vương, quận H, TP Hà Nội, Cơ quan CSĐT Công an TP Hà Nội có Quyết định uỷ thác số 257 ngày 23/8/2018 cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố Cần Thơ để tiến hành xác minh nhân thân, lấy lời khai của Võ Kiều Trinh nhưng Trinh không có mặt tại địa phương, Trinh đi đâu, làm gì Công an không nắm được. Đối với đối tượng T thuê làm giả giấy tạm nhận tiền hợp tác và Hợp đồng trù bị, do T không biết tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không xác định được. Ngày 10/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định tách rút tài liệu liên quan đến nội dung trên để điều tra, xác minh tiếp là đúng.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, đại diện Công ty B Đà Loan yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000 USD bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo T nhất trí bồi thường cho Công ty B số tiền công ty yêu cầu. Xét thấy, như đã phân tích ở trên, bị cáo T đã chiếm đoạt của Công ty B số tiền 600.000 USD, nay Công ty B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên và bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho Công ty B số tiền công ty yêu cầu nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của Công ty B, cụ thể buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty B số tiền 600.000 USD, tương đương với số tiền 13. 879.400.000đ .

Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo T 01 điện thoại Iphone 8 màu trắng IMEI 356700081439916, thu giữ của chị Nguyễn Thị Y 01 điện thoại Samsung vỏ ngoài màu vàng IMEI 353123070163467. Xét thấy, đối với điện thoại thu giữ của bị cáo T cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; đối với điện thoại thu giữ của chị Yên thuộc sở hữu của chị Yên, việc chị Yên có dùng điện thoại trên gửi một số tin nhắn giúp bị cáo T nhưng không biết đó là hành vi giúp sức cho bị cáo T nên cần trả lại cho chị Yên.

Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

- Xử phạt bị cáo Mai Xuân T 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/8/2018.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 468; các Điều 357, 584, 585, 589, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho Công ty B số tiền 600.000 USD tương đương với 13.879.400.000 đồng (mười ba tỷ tám trăm bảy chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền bồi thường, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 8 màu trắng IMEI 356700081439916 thu giữ của bị cáo Mai Xuân T.

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Y 01 điện thoại Samsung vỏ ngoài màu vàng IMEI 353123070163467.

Vật chứng nêu trên hiện đang lưu trữ tại kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2018.

4. Về án phí và những vấn đề khác:

Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 22 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Mai Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 121.879.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP HN;
- Công an TP HN;
- Trại tạm giam số 1 CATPHN;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP, THS.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Quang